

THE SOLDIER AND WAR MEMORY IN CHU LAI'S NOVELS

Nguyen Thi Thai

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism
Email: nguyenthithai366@gmail.com

Received: 05/9/2025
Reviewed: 07/9/2025
Revised: 10/9/2025
Accepted: 24/10/2025
Released: 31/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.55988/2588-1264/284>

Employing a primarily poetics-based approach and appropriate methods, this paper examines the figure of the soldier and war memory in Chu Lai's novels. The soldier is portrayed as a participant in war, a historical witness, and a "bearer of memory," with that memory in constant dialogue with the present. Three main layers of memory emerge: romantic-epic memory; realistic memory exposing the brutality of war; and post-war memory marked by psychological crises. The paper contributes a scholarly perspective on Chu Lai's novels and suggests interdisciplinary directions for studying war fiction. The findings are also applicable to the reception and teaching of literature on the subject of war.

Keywords: Chu Lai's novels; Soldier; War memory; Post-war.

1. Giới thiệu

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của nhân dân ta kết thúc năm 1975. Chiến tranh đã lùi xa... Nhưng trong ký ức người lính, hiện thực cuộc chiến với biết bao khốc liệt, bi, hùng, và tình yêu, tình người,... vẫn còn mãi ám ảnh, không thôi. Sau năm 1975, văn học không chỉ còn phản ánh hào quang chiến thắng mà bắt đầu đi sâu vào những mảnh ký ức bị thương, phức tạp của người lính. Chu Lai - nhà văn, từng là cựu chiến binh, là người tiên phong trong việc tái hiện ký ức chiến tranh bằng góc nhìn đa chiều, chân thực và mang đậm sắc thái tâm lý. Tiểu thuyết của ông không dừng lại ở mức phản ánh đơn giản hiện thực, mà hơn thế, còn là một "kho lưu trữ tinh thần" của cả một thế hệ.

Người lính trở về sau chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai không chỉ là người tham gia cuộc chiến, là nhân chứng lịch sử, mà còn là "người mang ký ức". Ký ức ấy không khép lại, không thể thành quá vãng!

Nghiên cứu người lính với ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai, bài viết nhằm: *Thứ nhất*, làm rõ đặc điểm ký ức chiến tranh được tái hiện qua hệ thống nhân vật người lính. *Thứ hai*, chỉ ra sự vận động của cảm hứng sáng tạo ở Chu Lai: từ lãng mạn đến hiện thực khốc liệt và nỗi cô đơn hậu chiến... *Thứ ba*, gợi mở ý nghĩa nhân văn của những ký ức ấy đối với cuộc sống cộng đồng hôm nay.

Phạm vi tư liệu khảo sát, bài viết tập trung vào các tiểu thuyết tiêu biểu của Chu Lai như: *Ấn mây dĩ vãng*, *Ba lần và một lần*, *Cuộc đời dài lắm*, *Mưa đỏ*¹⁰... Ngoài ra, bài viết cũng chú ý một số tiểu thuyết của nhà văn khác (tiêu biểu là *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh) nhằm đối chiếu, so sánh, làm rõ giá trị riêng của tiểu thuyết Chu Lai, nhất là ở vấn đề người lính với ký ức chiến tranh.

2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

Ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai nói riêng, trong văn học Việt Nam sau năm 1975 nói chung, là một vấn đề có ý nghĩa quan trọng đặc biệt. Đây vừa là sự tiếp nối truyền thống văn học cách mạng, vừa phản ánh nhu cầu của con người Việt Nam hôm nay: cần "nhìn

lại quá khứ” một cách tinh táo. Chu Lai, với vốn sống phong phú của một người lính từng vào sinh ra tử, đã góp phần làm giàu thêm diện mạo của văn học hậu chiến bằng cách đưa người đọc trở về với chiến trường - chiến trường trong ký ức người lính - nơi tồn tại mãi những khốc liệt, những nỗi đau, sự mất mát, hy sinh, những ám ảnh, dằn vặt...

Trong bối cảnh xã hội hiện nay, khi chiến tranh đã lùi xa, việc nghiên cứu ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai, trước hết, giúp cho việc *gìn giữ ký ức* về một giai đoạn lịch sử bi hùng của dân tộc; thứ hai, *khơi gợi sự đồng cảm, chia sẻ* với những thế hệ trong quá khứ đã chiến đấu, hi sinh vì đất nước, nhân dân; thứ ba, *cảnh tỉnh xã hội về những di chứng tinh thần* mà chiến tranh để lại cho con người; thứ tư, *giúp cho việc tìm hiểu, nghiên cứu, tiếp nhận* văn học về đề tài chiến tranh trong văn học Việt Nam một cách có cơ sở khoa học.

Văn học Việt Nam sau năm 1975, các chủ đề được nghiên cứu ở nhiều góc độ như: *Cảm hứng và sự chuyển đổi cảm hứng* (cảm hứng sử thi, cảm hứng thế sự, cảm hứng lãng mạn cách mạng,...); *Hình tượng* (người lính, nhân dân, chiến trận); *Ký ức chiến tranh* (những khắc khoải, ám ảnh);...

Trong đó, nhiều công trình có những phân tích, luận giải có sức thuyết phục, tiêu biểu như các công trình: *Văn xuôi Việt Nam sau 1975* của PGS.TS. Nguyễn Thị Bình¹; “Nhìn lại các bước đi, lắng nghe những tiếng nói” (trong sách in chung nhiều tác giả: *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*) của PGS.TS. La Khắc Hòa⁷; “Vấn đề nhận thức và xử lý chất liệu hiện thực của tiểu thuyết Việt Nam đương đại” (trong sách in chung nhiều tác giả: *Văn học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế*) của PGS.TS. Biện Minh Điền³; *Văn học Việt Nam trong thời đại mới* của PGS.TS. Nguyễn Văn Long⁸; “Viết về chiến tranh” (sách *Trang giấy trước đèn*) của Nhà văn Nguyễn Minh Châu²; “Văn học Việt Nam về đề tài chiến tranh - những giá trị và sáng tạo chưa kết thúc” của PGS.TS. Hồ Thế Hà⁵...

Một số luận án Tiến sĩ, như: *Tiểu thuyết về chiến tranh trong văn học Việt Nam sau 1975 - Những khuynh hướng và sự đổi mới nghệ thuật* của Nguyễn Thị Thanh¹¹; *Sự thể hiện số phận con người trong tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1975* của Lê Thị Hằng⁶;...

Nhìn chung, các công trình đã phân tích, tiếp cận từ nhiều hướng nghiên cứu liên ngành như văn hóa, văn học, nhân học, lý thuyết chấn thương, và so sánh liên văn bản (so sánh với văn học chiến tranh thế giới). Nhiều công trình chú ý vào những tác phẩm “mốc” và mở rộng phương pháp (từ phân tích truyền thống sang tâm lý, ký ức, văn hóa)... Sự xuất hiện của các luận án có tính chuyên sâu giúp hệ thống hóa khuynh hướng (đổi mới cảm hứng, sự “sử thi hóa”, sự “phá vỡ” sử thi)...

Tuy nhiên, có thể thấy tình hình nghiên cứu về chiến tranh trong văn học Việt Nam sau năm 1975 không tránh khỏi những hạn chế: Chưa có nhiều nghiên cứu so sánh có chiều sâu giữa văn học Việt và các dòng văn học chiến tranh khác (về hình thức kể chuyện, phục hồi ký ức); Còn thiếu phân tích giới trong nghiên cứu về người lính; Thiếu cơ sở dữ liệu thống kê hóa để dễ tra cứu và phân tích định lượng (xu hướng năm, chủ đề theo thời kỳ). Một số tài liệu tổng quan chưa hệ thống hóa đầy đủ...

Về tiểu thuyết Chu Lai và vấn đề ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết của nhà văn: Qua quan sát văn học Việt Nam sau năm 1975, có thể thấy tiểu thuyết là thể loại đã góp phần không nhỏ trong việc tạo nên bản sắc, diện mạo riêng cho văn học thời kỳ hậu chiến. Sự đổi mới về đề tài, cách tiếp cận “hiện thực”; đổi mới quan niệm về con người, về phương thức thể hiện,... đã giúp văn học tạo được sự bứt phá quan trọng. Chu Lai là một trong những nhà văn tiêu biểu, góp phần tích cực tạo nên sự bứt phá ấy. Các tác phẩm của ông đã phản ánh được nhiều vấn đề nóng bỏng của hiện thực đất nước sau chiến tranh. Điều đáng nói nhất là nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai là người lính vừa mang cốt cách anh hùng trận mạc (thời chiến) vừa mang đặc điểm của con người sống trong nhiều áp lực, thử thách của quãng đời phía sau chiến trận (thời bình).

Với Chu Lai, các nghiên cứu tập trung vào đề tài chiến tranh, người lính, hậu quả hậu chiến và bi kịch cá nhân trong các tiểu thuyết tiêu biểu của ông. Phần lớn các bài viết chủ yếu phân tích, nhận diện Chu Lai vừa là nhà văn, vừa là người lính có kinh nghiệm chiến trường, nên văn chương ông thường mang tính chứng nhân và trải nghiệm thực tế.

Nghiên cứu về tiểu thuyết Chu Lai và vấn đề người lính với ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết của ông vẫn còn không ít những lỗ hổng. Đây là việc vận dụng khuôn lý thuyết hiện đại về ký ức; việc vận dụng lý thuyết memory studies, trauma studies, hoặc văn hóa ký ức một cách hệ thống; việc so sánh, đặt Chu Lai cạnh các “nhà văn lính” khác để làm rõ tính đặc thù trong cách biểu hiện ký ức chiến tranh của Chu Lai. Một số nghiên cứu quá tập trung vào khía cạnh “giá trị chính trị” theo thời kỳ nên chưa khai thác triệt để các lớp ký ức cá nhân, mâu thuẫn nội tâm trong nhân vật người lính ở tiểu thuyết Chu Lai...

Nhìn chung, các nhà nghiên cứu phê bình đều khẳng định thành công của Chu Lai là ở đề tài chiến tranh với hình tượng trung tâm là người lính. Chiến tranh và người lính trong sáng tác của Chu Lai được phản ánh dưới nhiều góc độ khác nhau, chủ yếu bằng cái nhìn sử thi và thể sự. Bùi Việt Thắng viết: “Nhân vật Chu Lai được thể hiện như những con người tâm linh. Họ sống bởi những ám ảnh của ảo giác, hồi thúc bởi sự sấm hối, luôn tìm kiếm sự giải thoát. Đó là những con người trở về sau chiến tranh bị mất thăng bằng, khó tìm được sự yên ổn trong tâm hồn. Họ sống trong cảm giác không bình yên... Chu Lai làm người đọc bất ngờ vì những khám phá nghệ thuật của mình: Nhân vật Chu Lai thường tự soi tỏ mình, khám phá mình, khám phá một bản ngã hay là một con người trong con người”¹². Trần Quốc Huân trong “Người chiến sĩ viết văn hôm nay - đội ngũ kẻ tục những nhà văn chiến sĩ”, khẳng định phẩm chất của người lính trong chiến tranh: “Trong truyện Chu Lai, cái vốn tri thức văn hóa, trí tuệ sáng suốt của người lính trẻ đã thấm nhuần một cách tự nhiên vào từng chi tiết nhỏ của truyện, trong từng phán đoán nhạy bén, quả quyết, để dẫn tới chiến thắng cuối cùng ở nhân vật”⁹.

Về người lính sau hoà bình trong tiểu thuyết chiến tranh thời kỳ đổi mới, Nguyễn Hương Giang cho rằng: “Sự thật về chiến tranh hôm nay được nhìn lại là một sự thật đã trải qua những năm tháng day dứt, trăn trở trong tâm hồn nhà văn Chu Lai, hơn thế, nó thực sự là những nếm trải của người “chịu trận”, “người trong cuộc”. Theo Lý Hoài Thu, “Dù trực tiếp viết về dĩ vãng mịt mù bom đạn hay chuyển dịch sang tiếp cận những “kênh” thông tin mới xô bồ của thời hiện tại, bao giờ Chu Lai cũng nghiền ngẫm suy tư về hiện thực với sự nhiệt tâm và lòng trung thực của người lính... Nếu như trước kia, các nhân vật của anh được mô tả chủ yếu ở cốt cách anh hùng trận mạc thì hiện nay (...) Chu Lai tập trung khai thác quãng đời thứ hai: quãng đời phía sau chiến trận của người lính”.

Ở hầu hết những tiểu thuyết viết về người lính trở về sau chiến tranh, Chu Lai chủ động ngược dòng quá khứ, dựng nên mạch hồi ức sâu thẳm trong nhân vật. Những trang viết vừa tái hiện, vừa kiến tạo, đồng thời “tái cấu trúc” ký ức, nhưng vẫn giữ trọn độ chân thực. Dù đặt nhân vật trong không gian - thời gian nào, họ đều gặp nhau ở một điểm chung: mâu thuẫn giữa lý tưởng, khát vọng cao đẹp mang vào chiến trường như hành trang vô giá với hiện thực chiến tranh tàn khốc; mâu thuẫn giữa khát vọng quên đi và thực tế “không tài nào nhấc chân ra khỏi miệng hố chiến tranh”. Họ vừa là những người tình tuyệt vời, vừa là những kẻ cô độc muôn đời. Đưa mâu thuẫn ấy vào chiều sâu nội tâm chính là bước chuyển quan trọng, góp phần làm nên thành công trong nghệ thuật xây dựng nhân vật của tiểu thuyết Chu Lai.

3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu “Người lính với ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai”, chúng tôi chọn cách tiếp cận của thi pháp học, kết hợp với cách tiếp cận theo “lý thuyết ký ức”, xem vai trò của nhà văn như là “người lưu giữ” ký ức (tái hiện chiến tranh) qua hình tượng người lính; đặt tiểu thuyết Chu Lai trong bối cảnh văn học hậu chiến với nhu cầu nhìn lại, giải tỏa, đối thoại với quá khứ.

Bài viết sử dụng các phương pháp: Phân tích - tổng hợp; so sánh - đối chiếu; loại hình - thể loại; cấu trúc - hệ thống. Bài viết chú trọng cách Chu Lai tái hiện dòng hồi tưởng và mối quan hệ giữa quá khứ - hiện tại; phân tích thi pháp tiểu thuyết ở thành tố nhân vật để nhận diện sự vận động của ký ức. Bài viết cũng chú ý đặt tiểu thuyết Chu Lai trong tương quan với các nhà văn cùng thời (nhất là Bảo Ninh) để làm rõ nét riêng của vấn đề nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Từ những hồi ức miên man của cảm hứng lãng mạn...

Ở giai đoạn đầu, ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai vẫn mang hơi hướng lãng mạn. Chu Lai viết *Nắng đồng bằng* vào những năm đầu của hòa bình. Tác phẩm còn đậm màu sắc sử thi, hơi thở lãng mạn vẫn bao trùm toàn bộ không gian nghệ thuật. Nhân vật Tám Linh - một chàng trai Hà Nội trẻ trung, sôi nổi, tham gia vào đơn vị đặc công, gắn đời mình với những kỳ tích vượt rừng, băng suối, tìm mọi cách tiếp cận và phá vỡ những “ấp chiến lược” kiên cố của địch. Trong một đợt hành quân dài, Linh lạc đơn vị; và khi tìm được đồng đội, anh chìm trong niềm hạnh phúc trào dâng. *Nắng đồng bằng* trải ngập trong tâm hồn anh, đưa anh trở về với miền ký ức ở Bàu Con Gái. Đoạn văn Linh rung rung giữa ánh nắng ấy cho thấy: hiện thực chiến tranh dù khốc liệt đến mấy - sự sống và cái chết luôn kề cận, “ngày nào cũng chôn nhau nhưng chưa đến lượt chôn mình” - cũng không thể giết chết tâm hồn lãng mạn, khát vọng sống và yêu của người lính. Chu Lai cho biết *Nắng đồng bằng* được ông viết “khi ra khỏi cuộc chiến tranh nên cảm xúc còn tươi xanh, vì thể thiếu đi mảng trần trụi, mất mát... Cho đến bây giờ nhiều người nói rằng *Nắng đồng bằng* là tác phẩm hay nhất của tôi, nhưng *Ấn mào dĩ vãng* làm tôi hài lòng hơn vì nó miêu tả được hai mặt của cuộc chiến”.

Khác với *Nắng đồng bằng*, tiểu thuyết *Ấn mào dĩ vãng* ra đời khi tác giả đã có độ lùi thời gian, với sự chín chắn trong suy tư và chiêm nghiệm. Tác phẩm được đọc giả hoan nghênh nồng nhiệt. Chu Lai không chỉ tái hiện những sự kiện lịch sử, mà còn đưa vào đó những sự kiện đời thường qua lăng kính tâm hồn người lính. Đây chính là sự mở rộng quan trọng trong bút pháp: từ cảm hứng sử thi lãng mạn chuyển dần sang khai thác chiều sâu đời tư, tạo nên những giá trị hiện thực day dứt.

Nhân vật Hai Hùng hiện lên với một quá khứ oai hùng, một bản lĩnh chiến trường đáng nể và hành trình tìm về miền ký ức sâu thẳm - nơi lưu giữ tình yêu trong trẻo với Ba Sương. Hùng vừa là người đàn ông lý tưởng trong thời bình, vừa là mẫu anh hùng của chiến tranh: khôn ngoan, tinh nhạy, gan dạ. Các cô du kích, các nữ pháo binh nhìn anh vừa ngưỡng mộ, vừa thâm ao ước. Kẻ thù thì gọi anh là “tên sát nhân tài tử, nghệ sĩ cầm súng ảo thuật”. Đồng đội xem anh như thuyền trưởng tài ba giữa sóng cả. Chu Lai khắc họa Hùng bằng những chi tiết sống động, khiến nhân vật trở thành một biểu tượng đẹp, giàu sức ám ảnh.

Trên nền chiến tranh đầy bất trắc, Hai Hùng đã có được một mối tình ngọt ngào nhưng cũng dần vật đến suốt đời. Hình ảnh Ba Sương hiện lên trong dòng ký ức của anh: một cô gái du kích, trong một buổi chiều, để mái tóc xoắn dài trong dòng nước, bờ vai để trần, thanh khiết và hồn nhiên như thôn nữ miệt vườn. Cảnh tắm ấy “là nét tắm tinh khiết, không vẩn đục mây may, tắm giữa sự điêu tàn, tắm bên cạnh cái chết, như tắm một lần cho mãi mãi”. Đó không chỉ là một cảnh gợi cảm, mà còn là biểu tượng của sự sống, của vẻ đẹp nguyên sơ, đối chọi lại cái chết đang bủa vây. Hình ảnh ấy, trong sáng như “con chim non hóp nắng”, đã đi theo Hùng đến tận cuối đời, trở thành dòng sông ký ức ngọt ngào mà bất cứ khi nào nhớ về chiến tranh, anh cũng không thể quên.

Song song với tình yêu, *Ấn mào dĩ vãng* còn viết nên những trang tuyệt đẹp về tình đồng đội. Chu Lai nhấn mạnh rằng, trong chiến tranh, người lính có thể mất tất cả - tuổi trẻ, tình yêu, ngay cả sinh mạng - nhưng tình đồng chí, đồng đội thì vĩnh viễn không mất. Những ký ức về đồng đội của Hai Hùng được tái hiện đầy ám áp: sự gắn bó, sẻ chia, tin cậy lẫn nhau. Chi tiết người lính trẻ tự nhét đất, nhét cỏ vào cổ họng để ngăn cơn ho, chấp nhận cái chết để bảo toàn tính mạng cho đồng đội, là một trong những hình tượng bi tráng nhất của văn học

chiến tranh Việt Nam. Nó cho thấy sự hy sinh không chỉ cao cả mà còn mang sức lay động mãnh liệt.

Không chỉ Hai Hùng, mà cả Tám Tính - con “cọp đen” một thuở, cũng hiện về trong ký ức đồng đội như một biểu tượng oai hùng. Trở về sau mười sáu năm hòa bình, tưởng chừng đánh mất mình trong cuộc mưu sinh khắc nghiệt, nhưng khi gặp lại bạn cũ, những tháng ngày rừng núi, bom đạn, những buổi hành quân, những đêm nằm văng dẫu dưới tán rừng... bỗng ùa về, gọi lại cả một trời ký ức vừa bi thương vừa lãng mạn.

Ở tác phẩm *Vòng tròn bội bạc*, Chu Lai tiếp tục khai thác mạch hồi ức như một ám ảnh không nguôi. Mỗi khi đối diện với sự trống vắng nơi thành phố thời bình, nhân vật Linh lại nhớ về rừng. Nhớ đến thành bệnh, thành khao khát. Nhớ một thời “thên thang sống và cả thên thang chết” - thời mà con người, chỉ với ba lô và khẩu súng, nhẹ tênh bước giữa ranh giới sinh tử, mà vẫn thanh thản. Nổi nhớ ấy không chỉ là ký ức, mà còn là sự khẳng định: hạnh phúc cuối cùng của con người chính là sự thanh thản trong tâm hồn.

Chu Lai đã dựng nên hình tượng người lính hậu chiến với một nỗi nhớ dai dẳng, hoài niệm khôn nguôi. Những buổi chiều mưa bay trên sông Sài Gòn, những vị trí chôn cất đồng đội, những nấm mộ hoang trong rừng - tất cả trở thành ám ảnh, thành “dòng sông ký ức” không thể nào dập tắt. Họ không chỉ sống với hiện tại, mà còn luôn đối diện với câu hỏi: quá khứ hào hùng ấy giờ có còn ý nghĩa gì, hay chỉ là lớp bụi dày trong ba lô của một thời trận mạc?

Qua *Nắng đồng bằng*, *Ấn mây dĩ vãng*, *Vòng tròn bội bạc* và nhiều tác phẩm khác, Chu Lai cho thấy một bước phát triển nghệ thuật quan trọng: từ cảm hứng sử thi - lãng mạn đến đào sâu hiện thực - đời tư. Ông đã khắc họa người lính vừa như biểu tượng của một thời đại, vừa như con người đời thường, với tất cả niềm vui, nỗi đau, sự dằn vặt, tình yêu và khát vọng. Chính hành trình “hồi ức” ấy đã làm nên sức sống bền bỉ cho văn xuôi Chu Lai, đồng thời góp phần khẳng định giá trị nhân văn cao cả của văn học Việt Nam thời hậu chiến.

4.2. ... Đến những hồi ức về hiện thực trần trụi, khắc nghiệt

Khi đi sâu hơn vào chiều sâu ký ức, Chu Lai có cơ hội phơi bày bao nhiêu bối cảnh, tình huống cụ thể của chiến tranh. Trong *Ba lần và một lần*, hành trình trở về sau chiến tranh của người lính tiếp tục được Chu Lai khắc họa một cách chân thực, sinh động và đầy ám ảnh. Trên gần bốn trăm trang sách, tiểu thuyết mở ra như những thước phim quay chậm, rõ nét từng khoảnh khắc, từng trang đời của người lính quân báo Sáu Nguyễn. Xuất thân từ miền Bắc, Sáu Nguyễn vào Nam bám rừng, sống với rừng, ăn ngủ cùng rừng, gần bó máu thịt với cỏ cây, đất đá, trải qua mọi nỗi vui buồn, yêu thương, đau khổ, quặn quại cùng rừng. Rừng đối với anh vừa là chỗ dựa che chở, bao bọc, vừa như một không gian âm u, ngột ngạt, khép kín, khiến anh có lúc thấy bị vây hãm, thiếu nắng, thiếu gió, thiếu cả một chút bụi bặm đời thường.

Ngoại hình của Sáu Nguyễn (gầy, đen) không đơn thuần do thiếu ăn, thiếu ngủ hay do sống quá lâu trong rừng. Đó là kết quả của một quá trình rèn luyện gian khổ, khiến da thịt anh trở nên quắt lại, sắt lại, răn rỏi như chính những cú đánh chí mạng mà anh từng giáng xuống sào huyệt kẻ thù. Thân hình gân guốc, gương mặt khắc khổ, thoát trông khó gần, thậm chí dữ dằn, nhưng bên trong là một con người giàu nghĩa tình, chan chứa nhân bản. Trong ký ức của anh còn vẹn nguyên bóng dáng Tư Chao - cô gái không đẹp rực rỡ, nhưng mang một nét duyên thầm, cùng giọng nói ngọt ngào, say đắm, trở thành nguồn sức mạnh, động lực, giúp anh đứng vững trước những thử thách nghiệt ngã của đời lính và sau này là đời thường.

Sáu Nguyễn không phải là “kẻ ăn mây dĩ vãng” như Hai Hùng trong *Ấn mây dĩ vãng*, cũng không phải là người trốn chạy thực tại. Sáu Nguyễn mang trong mình một thái độ khác: anh nhớ về quá khứ nhưng không lãng tránh thực tại. Từ rừng trở về thành phố, anh vẫn giữ được sự bình thản, không lạc lõng trước một “trận địa” mới. Như một người lính từng quen trận mạc, anh không hề bi quan dù bị từ chối nơi đất khách: “Trường hợp đồng chí đến đây không phải là ít. Là cán bộ, là Đảng viên đã từng qua chiến đấu, chúng tôi trân trọng lắm,

muốn nhận lắm nhưng... không chỉ nhà máy này mà tất cả các nhà máy khác đều rơi vào tình trạng làm ăn thua lỗ, nên chỉ lo giảm người đi chứ không thể nhận thêm người về, trừ trường hợp... có bằng cấp chuyên môn và có sự bảo lãnh của lãnh đạo cấp trên đội xuống”.

Chiến tranh đã khép lại, nhưng trong tâm hồn người lính, những kỷ niệm về máu lửa, về tình đồng chí, tình yêu, cả sự thiện lẫn cái ác của chiến tranh, tất cả vẫn là nền tảng, là giá đỡ tinh thần cho cuộc sống hôm nay: “Cái lãng mạn, cái hào sảng, cả nỗi trở trăn nhọc nhằn, cả điều thiện lẫn điều ác của chiến tranh vẫn mãi là cái nền, cái giá đỡ tinh thần cho nhịp thở hôm nay. Màu đỏ của máu và màu xanh của những cánh rừng trập mướt tựa hồ vẫn còn phảng phất đâu đó”...

Đề “khách quan hóa” quá khứ của Sáu Nguyễn, Chu Lai đã tạo ra điểm nhìn từ cô bé Út Thêm. Trong ký ức của cô, hình ảnh Sáu Nguyễn hiện lên với vẻ oai hùng, đầy khí phách ngay giữa ranh giới sinh tử: “Cứ vậy, trước mỗi tiếng nổ chát chúa, thân hình chú lại tung lên, loé sáng như đang múa một điệu múa man dại có nhạc đệm của ma quỷ... Bỗng một tiếng cóc vang lên. Chú ngẩn người chưa kịp hiểu đây là tiếng động gì thì một trái M.79 ở đâu không biết bay đến đã nhằm vai chú chụp xuống. Ngã sấp mặt xuống đất rồi mà cái miệng có chiếc răng hô của chú vẫn nhe ra. ‘Mẹ nó! Nhanh thật! Xềnh ra tí chút đã bị rồi. Út, để đó đã! Bắn cho tao chút coi!’... cả một bờ vai xương xẩu găm lỗ chỗ những miếng nhỏ li ti, cái trời ra, cái lặn thụt vào trong, rùng rùng máu. Cứ xé băng, băng đại lại. Không sao đâu, loại này chỉ gây ngứa ngứa, khó chịu thôi”.

Ở nơi bom đạn, vết thương không làm Sáu Nguyễn nao núng. Thứ khiến anh quan tâm hơn chính là tình thế trận mạc, là sinh mạng đồng đội, là số phận đơn vị. Chính sự thân nhiên đến rợn người ấy đã cho thấy sức chịu đựng phi thường của người lính. Chỉ khi cảm nhận được giọt nước mắt nóng hổi của Út Thêm rơi trên vai thương tích, anh mới chợt tỉnh, thốt lên: “Miếng nào nó lặn sâu vào thịt rồi, bỏ luôn. Miếng nào trôi lên, lấy cặp tóc bứt đại ra”...

Cuộc chiến không tiếng súng khó khăn hơn rất nhiều những ngày đánh Mỹ. Những cựu chiến binh đã một thời oai hùng ấy vẫn giữ được phong độ. Con hồn mang của cơ chế mới thử thách lòng trung thành, sức chiến đấu bền bỉ của họ, họ vẫn khẳng định vị trí, vai trò của người lính Trường Sơn đã trải qua khói lửa... Số phận người lính sau chiến tranh sẽ vẫn còn những bi kịch... Nhưng với bản lĩnh vốn có, với đức hi sinh cao cả, những con người ấy là biểu tượng của sự hiên ngang và chiến đấu không một mảy may vì lẽ phải.

Đặt Sáu Nguyễn cạnh những nhân vật khác như Linh trong *Vòng tròn bội bạc*, hay Vũ Nguyên trong *Cuộc đời dài lắm*, ta thấy Chu Lai đã phác họa một bức tranh phong phú về người lính hậu chiến. Vũ Nguyên - đại đội trưởng trinh sát năm nào - trở về trong vai trò giám đốc nông trường cao su. Nếu không có bản lĩnh kiên cường của một người lính từng xông pha trận mạc, anh khó lòng vượt qua những thử thách nghiệt ngã trong công cuộc làm kinh tế. Cái đầu nhạy cảm của anh có thể đã “*mưng mủ*” trước những chua chát của đời thường. Nhưng kinh nghiệm sống chết ở chiến trường, thậm chí thói quen ngủ giữa hành quân, cũng giúp anh thích nghi với mọi gian khổ: “Có những đêm vừa đi anh có thể vừa ngủ mà vẫn không lỡ bước. Lệnh hạ ba-lô một cái là ngáy luôn, lệnh lên ba lô là mở mắt đi tiếp... Bao đạn lao đao đến muốn vỡ đầu,... đặt mình cái là lại ngáy bình thường để rồi sáng mai tỉnh dậy có đau có giận gì rồi thì đau thì giận tiếp”.

Nếu cuộc chiến tranh chống Mỹ là những ngày bi tráng, rực lửa, thì cuộc chiến không tiếng súng sau này còn khốc liệt hơn nhiều. Ở đó, bản lĩnh, lòng trung thành và sức chịu đựng bền bỉ của người lính tiếp tục được thử thách. Chu Lai, qua hình tượng Sáu Nguyễn và Vũ Nguyên, khẳng định: “người lính vẫn giữ nguyên phong độ, vẫn kiên trung, dù hòa bình lại đặt họ vào những bi kịch mới, những nghịch lý mới”.

Điều làm nên giá trị đặc biệt của *Ba lần và một lần* là ở chỗ: nhân vật Sáu Nguyễn vừa đại diện cho lớp lính Trường Sơn kiêu hùng, vừa là một con người đầy day dứt, khát khao tìm chỗ dựa tinh thần. Quá khứ chiến tranh hào hùng luôn trở đi trở lại, không chỉ như một niềm tự hào, mà còn như một ám ảnh khôn nguôi. Khi đối diện với những thất bại, cô đơn, lạc lõng

nơi hậu chiến, Sáu Nguyễn ước muốn “hạ đôi cánh mỗi một” xuống vùng ký ức, tìm lại thanh thảo nơi màu xanh của rừng xưa: “Màu đỏ của đất, màu xanh của cây, như đôi lập, lại như hài hoà, như ngọt ngào chia thời gian làm đôi ngả thực hư, như đưa, như ru con người ta vào nỗi đam mê không cùng của sự hoang sơ, tinh khiết, như nhẹ nhàng phân cách lẫn ranh nắng gió với cuộc sống xô bồ, nhức nhối dưới kia... anh như tìm lại được mùi vị và sự thanh thảo của chính các cánh rừng bom đạn khốc liệt. Lạ quá là cái màu xanh biên giới! Xanh đến rợn người... Anh định hạ đôi cánh muộn mằn và lang bạt của mình xuống giữa màu xanh đang đầy ký ức mỏng manh nơi đây”.

Số phận may mắn đã cho Sáu Nguyễn cơ hội trở về, nhưng sự may mắn của đời thường lại không mỉm cười với anh. Hậu chiến, anh bị giằng xé trong cô đơn, lạc lõng, bị thử thách bởi cơ chế mới và sự khắc nghiệt của đời sống mưu sinh. Nỗi nhói đau khi nghĩ về mối tình xưa, về người đàn bà để lại trong anh ký ức ngọt ngào nhưng cũng vô cùng đau đớn, trở thành nguyên nhân của nỗi cô đơn triền miên. Nhưng sâu xa hơn, sự cô độc ấy còn bắt nguồn từ việc anh không chịu thỏa hiệp với cái xấu, không chấp nhận sống chung cùng những mưu mô, lọc lừa, những mặt trái tăm tối của xã hội. Chính thái độ ấy khiến Sáu Nguyễn trở thành một biểu tượng đặc biệt của người lính trở về - vừa kiên trung, vừa bị kịch, vừa đẹp đẽ, vừa đau thương.

Cuộc chiến nào cũng có gian khổ, mất mát, khốc liệt, song sự thật ấy không phải lúc nào cũng có thể nói ra. Dù anh hùng thì người lính vẫn là con người với nhu cầu, khát vọng như những người bình thường khác, nhưng khi chưa kết thúc chiến tranh, những điều này khó được chấp nhận như một phần hiện thực của chiến tranh. Cái nhìn cởi mở và đòi hỏi khắc phục tính phiến diện của văn học sau 1975 đã cho phép văn chương đưa chiến tranh vào những toạ độ thẩm mỹ mới. Người lính chống Mỹ nhờ thế sẽ được biểu hiện sâu sắc hơn và chắc chắn họ sẽ đẹp hơn trong cái nhìn toàn diện. Điều đáng trân trọng là trong chiến tranh, luôn phải đối mặt với đói khổ và hy sinh chết chóc, từng có những phút mềm lòng, người lính vẫn hoàn thành nhiệm vụ mà lịch sử giao cho.

4.3. ... Và sự cô đơn, khủng hoảng tinh thần của người lính thời hậu chiến

Chu Lai đặc biệt chú ý theo dõi số phận người lính trong thời bình. Ký ức chiến tranh trở thành vết sẹo tâm hồn, khiến họ cô đơn, mất phương hướng. Người lính trở về sau chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai như một nhân chứng, “người mang ký ức” với những sang chấn tâm lý chiến tranh, vừa có những khủng hoảng tinh thần, vừa có những âu lo về những vẻ đẹp một thời khói lửa, nay trở nên vô nghĩa?... Chu Lai từng chua xót: “Vào những năm 80... mọi sự vẫn chìm trong cái sắc chung hết sức u ám. Vết tử thương của chiến tranh chưa kéo da non, những khuyết tật thời hậu chiến lại không ngừng nảy sinh và lộ hành, tiếng gào của chiếc dĩa dày trống rỗng át đi nhịp đập ân tình trong lồng ngực. Các giá trị tinh thần đang có nguy cơ đảo lộn. Lòng người nổi nênh. Đức tin bị gặm nhấm nhờ. Đi đâu, ở đâu cũng nghe được cái âm thanh choàng ngoाप của cuộc sống mưu sinh quá đổi vất vả, nhọc nhằn. Bế tắc. Buồn nản. Cái đen, cái trắng, điều ác, điều xấu lộn sòng. Sự trắng trong, trung thực bỗng trở thành món hàng xa xỉ, thói ăn người, hại người, thói quen thực dụng có chiều hướng lên ngôi”.

Nhìn chiến tranh từ góc độ số phận con người, theo dòng ký ức miên man chìm lắng trong tâm tư cô đơn của người lính trở về sau chiến tranh, trong *Án mày dĩ vãng*, Chu Lai sử dụng khoảng gần ba mươi lần từ “buồn” hoặc những từ ngữ thể hiện nỗi buồn đau, cô đơn của nhân vật. Có khi là ánh mắt “buồn rười rượi” của Viễn, là “cặp mắt đỏ hoe nỗi sầu đau” của Hùng, là “tia sáng thôi miên đượm vẻ đau buồn” tỏa ra từ đôi mắt Sương, có khi lại là “tiếng rên buồn bã” của Bảo, hoặc là “nỗi đau thống khổ”, sự “buồn tủi khổ đau” trong lòng Hùng. Theo nhân vật Hai Hùng, nỗi buồn sau chiến tranh là tất yếu, bởi từ “cuộc chiến vô định như cơn ác mộng triền miên” người lính đã phải trải qua biết bao “cuộc chém giết bạo tàn”; “Chiến tranh mờ mịt, bạn bè chết hết lớp này đến lớp khác, ngày kết thúc còn nằm trong vô vọng”...

Trong bối cảnh ấy, những người lính trở về từ chiến trường như Hai Hùng, Sáu Nguyễn, Linh... khó lòng hòa nhập trọn vẹn vào guồng quay đời sống. Bởi trong sâu thẳm họ, ngọn lửa của lý tưởng, niềm tin và ký ức oanh liệt của một thời đạn bom vẫn còn nóng hổi, không thể nguôi ngoai. Nhân vật người lính trở về trong tiểu thuyết Chu Lai vì thế mang dáng dấp của những hình tượng nghệ thuật độc đáo trong văn học đương đại. Mỗi số phận là một cách thể tồn tại khác nhau, ở bất kỳ hoàn cảnh nào, quá khứ vẫn hiện hữu trong họ - những người lính chiến một thời đã dệt nên trang sử oai hùng của Tổ quốc - một quá khứ được nâng niu bằng niềm tin, tình yêu và cả sự xót xa khôn cùng.

Nhân vật người lính trở về sau chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai thực sự là những hình tượng nghệ thuật độc đáo. Từng số phận có những dáng vẻ khác nhau. Nếu như Hai Hùng là kẻ cô đơn sau chiến tranh tìm “*ăn mày dĩ vãng*” thì Sáu Nguyễn lại cố gắng đem dĩ vãng tươi đẹp về để đương đầu với sự cô đơn để đấu tranh trong thực tại, đấu cho thực tại đó có thể khiến anh phải chết nhưng quá khứ của anh luôn sống mãi với một niềm tin yêu tràn trề lẫn xót xa.

Có thể nói, hiện thực chiến tranh trong ký ức người lính trong tiểu thuyết Chu Lai không chỉ với những gam màu xám xịt, rừng rợn của chết chóc mà còn có những mảng sáng kì diệu của chiến công, của sự hi sinh cao cả, anh dũng vì tổ quốc thân yêu, sự hi sinh ấy được dệt trên những khung cảnh nên thơ, lãng mạn với những dòng sông ăm ắp ánh trăng, cánh võng toong teng treo trên cây săng lẻ của rừng già, con chim từ qui khắc khoải tìm bạn tình đang da diết cất tiếng kêu vang vọng giữa thình không rừng già...

Chính sự hòa quyện giữa cái dữ dội và cái trữ tình ấy đã làm nên chiều sâu nhân bản trong tiểu thuyết Chu Lai, đồng thời khẳng định: ngay cả trong chiến tranh, cái đẹp và niềm tin yêu vẫn không ngừng cất tiếng, như một bản nhạc âm thầm nhưng bất diệt.

5. Thảo luận

Tạo dựng ký ức cho người lính, Chu Lai trao cơ hội cho nhân vật “đối thoại” với quá khứ, tìm cách giải tỏa ám ảnh, dù đôi khi kết cục vẫn là bi kịch. Đối sánh với *Nỗi buồn chiến tranh* của Bảo Ninh, có thể thấy: Khác Bảo Ninh, Chu Lai vừa giải thiêng chiến tranh, vừa giữ được niềm tin nhân bản vào khả năng vượt lên nỗi đau của con người? Chu Lai không cực đoan hóa nỗi buồn, mà biến ký ức chiến tranh thành quá trình nhận thức - giải tỏa - đối mặt, khiến người đọc có thể cảm thông nhưng không tuyệt vọng?

Thúy chung với đề tài chiến tranh, bên cạnh các tiểu thuyết *Nắng đồng bằng*, *Ăn mày dĩ vãng*, *Vòng tròn bội bạc*,... Chu Lai dường như dồn sức viết tiểu thuyết *Mưa đỏ* và kịch bản phim (cùng tên) *Mưa đỏ*. Phim *Mưa đỏ* đang gây sốt hiện nay... Chưa có phim về chiến tranh nào của Việt Nam có lượng người xem đông đến như vậy... Có thể thấy gì về mối liên hệ giữa “Người lính với những ký ức chiến tranh” qua các tiểu thuyết Chu Lai và phim *Mưa đỏ*? Thiết nghĩ, đây là vấn đề thú vị...

Tiểu thuyết Chu Lai quả thực có sức hấp dẫn, lôi cuốn. Chắc hẳn còn nhiều bí ẩn từ những ký ức, những giấc mơ của người lính tham gia cuộc chiến mà nhà văn chưa “tiết lộ”, và người đọc đang mong ngóng, chờ đợi...

6. Kết luận

Chu Lai là một trong những cây bút tiêu biểu cho khuynh hướng “văn học ký ức” ở Việt Nam. Ông đã góp phần “giải thiêng” chiến tranh, đưa người lính trở về đời thực với đủ vui, buồn, vinh quang, đau khổ. Phần thảo luận, đối sánh Chu Lai với Bảo Ninh (*Nỗi buồn chiến tranh*) cho thấy nét độc đáo của Chu Lai: kết hợp giữa hiện thực khốc liệt và niềm tin nhân bản. Chu Lai không chỉ tái hiện chiến tranh như một trường đoạn lịch sử vĩ đại mà còn phơi mở những lát cắt của đời sống con người cá nhân với những trăn trở, mất mát, và cả những ám ảnh đeo đẳng sau cuộc chiến. Người lính trong tiểu thuyết của ông vừa là nhân chứng lịch sử, vừa là “người mang ký ức” - ký ức ấy không khép lại, trái lại, liên tục đối thoại với hiện tại, giúp chúng ta hiểu sâu hơn giá trị và cái giá của hòa bình.

Chu Lai đã có những nỗ lực, sáng tạo mới trong thi pháp nhân vật tiểu thuyết chiến tranh, tạo nên những tính cách đa chiều, đời thường, có những giằng xé nội tâm sâu sắc. Ông kết hợp thủ pháp trần thuật hiện thực với dòng ý thức, độc thoại nội tâm, mở ra không gian ký ức giàu tính biểu cảm. Điều này khiến tiểu thuyết của ông không chỉ dừng ở mức ghi chép sự kiện mà trở thành một “kho lưu trữ tinh thần” của cả một thế hệ.

Nghiên cứu này vận dụng cách tiếp cận của thi pháp học, kết hợp với cách tiếp cận của tâm lý học chiến tranh, ký ức học, phân tâm học... góp phần mở ra hướng tiếp cận liên ngành cho các nghiên cứu tiếp theo, đồng thời gợi ý ứng dụng trong giáo dục lịch sử, văn học để thế hệ trẻ hiểu sâu hơn về chiến tranh và trân trọng hòa bình. Để tiếp cận đối tượng này một cách hữu hiệu, phải có sự kết hợp phân tích - tổng hợp, so sánh - đối chiếu. Hướng nghiên cứu liên ngành giúp soi chiếu người lính không chỉ như một nhân vật văn học mà còn như một biểu tượng văn hóa - xã hội, mở ra khả năng đối thoại giữa văn học, lịch sử và ký ức cộng đồng.

Từ đây có thể khẳng định: nghiên cứu người lính với ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai không chỉ giúp chúng ta nhận diện những đóng góp nghệ thuật của một cây bút quan trọng trong văn học hậu chiến, mà còn góp phần gìn giữ, đối thoại và làm mới ký ức tập thể về một giai đoạn lịch sử nhiều hy sinh và biến động của dân tộc. Đây cũng chính là ý nghĩa nhân văn sâu xa của việc nghiên cứu văn học chiến tranh trong bối cảnh hiện nay.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Nguyễn Thị Bình (2012), *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [2]. Nguyễn Minh Châu (2002), *Viết về chiến tranh*, sách *Trang giấy trước đèn*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [3]. Biện Minh Điền (2014), *Vấn đề nhận thức và xử lý chất liệu hiện thực của tiểu thuyết Việt Nam đương đại*, sách *Văn học Việt Nam trong bối cảnh đổi mới và hội nhập quốc tế*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr. 204 - 215.
- [4]. Nguyễn Hương Giang (2001), *Người lính sau hoà bình trong tiểu thuyết chiến tranh thời kỳ đổi mới*, Tạp chí *Văn nghệ Quân đội* (số 04)/2001.
- [5]. Hồ Thế Hà (2006), *Văn học Việt Nam về đề tài chiến tranh - những giá trị và sáng tạo chưa kết thúc*, Tạp chí *Sông Hương*, số 205 - 03/2006.
- [6]. Lê Thị Hằng (2017), *Sự thể hiện số phận con người trong tiểu thuyết Việt Nam sau năm 1975*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Vinh.
- [7]. La Khắc Hòa (2006), *Nhìn lại các bước đi, lắng nghe những tiếng nói*, sách *Văn học Việt Nam sau 1975 những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy*, Nxb Giáo dục.
- [8]. Nguyễn Văn Long (2003), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, HN.
- [9]. Trần Quốc Huân (2005), *Người chiến sĩ viết văn hôm nay, đội ngũ kế tục những nhà văn chiến sĩ*, Tạp chí *Văn nghệ Quân đội*, số 12/2005.
- [10]. Chu Lai (2002), *Các tiểu thuyết: Vòng tròn bội bạc*, Nxb Thanh niên, 1990; *Ấn mây dĩ vãng*, Nxb Hội Nhà văn, 1994; *Mưa đỏ*, Nxb Quân đội nhân dân, 1999; *Nắng đồng bằng*, Nxb Quân đội nhân dân, 2019; *Ba lần và một lần*, Nxb Quân đội nhân dân, 2000; *Cuộc đời dài lắm*, Nxb Quân đội nhân dân.
- [11]. Nguyễn Văn Long (2003), *Văn học Việt Nam trong thời đại mới*, Nxb Giáo dục, HN.
- [12]. Nguyễn Thị Thanh (2012), *Tiểu thuyết về chiến tranh trong văn học Việt Nam sau 1975 - Những khuynh hướng và sự đổi mới nghệ thuật*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐHQG HN.
- [13]. Bùi Việt Thắng (1994), *Những dấu hiệu đổi mới của tiểu thuyết nhìn từ cấu trúc thể loại*, Tạp chí *Tác phẩm mới* (số 16/1994).

NGƯỜI LÍNH VỚI KÝ ỨC CHIẾN TRANH TRONG TIỂU THUYẾT CHU LAI

Nguyễn Thị Thái

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: nguyenthithai366@gmail.com

Ngày nhận bài: 05/9/2025

Ngày phản biện: 07/9/2025

Ngày tác giả sửa: 10/9/2025

Ngày duyệt đăng: 24/10/2025

Ngày phát hành: 31/10/2025

DOI: <https://doi.org/10.55988/2588-1264/284>

Từ hướng tiếp cận chủ yếu theo thi pháp học và vận dụng các phương pháp phù hợp, bài viết nghiên cứu người lính với ký ức chiến tranh trong tiểu thuyết Chu Lai. Người lính ở đây là người tham gia cuộc chiến, là nhân chứng lịch sử, là “người mang ký ức”. Ký ức ấy liên tục đối thoại với hiện tại. Có ba lớp ký ức chủ đạo: Ký ức lãng mạn - sử thi; Ký ức hiện thực, phơi bày sự khốc liệt của chiến tranh; 3, Ký ức hậu chiến với những khủng hoảng tinh thần... Bài viết góp phần mở ra một cách nhìn khoa học về tiểu thuyết Chu Lai, gợi hướng nghiên cứu liên ngành trong tiếp cận tiểu thuyết về chiến tranh. Kết quả nghiên cứu cũng sẽ được vận dụng vào thực tiễn tiếp nhận, dạy - học văn học về đề tài chiến tranh.

Từ khóa: Tiểu thuyết Chu Lai; Người lính; Ký ức chiến tranh; Hậu chiến.